

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ TÀI CHÍNH

Số: 139.26.03/CTTC

Hợp Đồng này được ký ngày tháng 05 năm 2026 tại Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam giữa các bên sau đây:

BÊN CHO THUÊ TÀI CHÍNH: CÔNG TY TNHH MTV CHO THUÊ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101500591 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 08 năm 2013.
- Địa chỉ: Tầng 4, Nhà 25T1, N05, đường Hoàng Đạo Thúy, Phường Yên Hòa, TP. Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (844) 3 9289 289 Fax: (844) 3 9289 150
- Số tài khoản tiền gửi đồng Việt Nam: 0681000008453 tại Hội Sở Chính – VCB.
- Số tài khoản tiền gửi ngoại tệ: 0681370008692 tại Hội Sở Chính – VCB.
- Người đại diện: **Ông Lưu Mạnh Hùng** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 20/UQ-VCBL.HDTV ngày 23 tháng 07 năm 2025 của Chủ tịch HDTV Công ty)

Sau đây gọi là “Bên A”

BÊN THUÊ TÀI CHÍNH: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI VIỆT NAM

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 1501162765 do Sở Tài Chính tỉnh Vĩnh Long cấp lần đầu ngày 15 tháng 10 năm 2025.
- Địa chỉ: Số 327/23 Khu tái định cư Lộc Hòa, Ấp Long Hòa, xã Phú Quới, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
- Điện thoại: 090.981.8658.
- Số tài khoản tiền gửi đồng Việt Nam: 3732037777 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Vĩnh Long.
- Người đại diện: **Ông Nguyễn Thanh Phương** Chức vụ: **Giám đốc**

Sau đây gọi là “Bên B”

Hai bên thoả thuận ký Hợp Đồng này với các điều khoản sau đây:

PHẦN 1: ĐIỀU KHOẢN CỤ THỂ

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Hợp Đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1 **Hợp Đồng này:** là Hợp đồng số 139.26.03/CTTC ký ngày.../05/2026 giữa Bên A và Bên B, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) tại từng thời điểm.
- 1.2 **Giấy nhận nợ:** Là văn bản do Bên B lập và ký theo mẫu quy định của Bên A hoặc văn bản thông báo của Bên A về khoản nợ của Bên B tại Bên A.
- 1.3 **Tài Sản Thuê:** Là tài sản được Bên A mua theo yêu cầu của Bên B để cho Bên B thuê tài chính, được quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 Hợp Đồng này.
- 1.4 **Khoản nợ:** Là số tiền cho thuê Bên A đồng ý giải ngân và Bên B đồng ý nhận nợ theo quy định tại Khoản 3.2, Điều 3 Hợp Đồng này.
- 1.5 **Dư nợ gốc quá hạn:** Bao gồm số dư nợ gốc bị chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Khoản 8.5 Điều 8 Hợp Đồng này và số dư nợ gốc mà Bên B không trả được nợ trước hạn khi Bên A chấm dứt cho thuê tài chính, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 14 Hợp Đồng này.
- 1.6 **Kỳ hạn trả nợ:** Là các khoảng thời gian trong thời hạn cho thuê đã thỏa thuận mà vào ngày cuối cùng của mỗi khoảng thời gian đó Bên B phải trả một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi cho thuê tài chính cho Bên A.
- 1.7 **Thời hạn cho thuê:** Là khoảng thời gian được tính từ khi Bên B bắt đầu nhận nợ tiền thuê tài chính cho đến thời điểm trả hết tiền thuê tài chính đã được quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính. Trường hợp ngày cuối cùng của Thời hạn cho thuê không phải là ngày làm việc thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.
- 1.8 **Lãi cho thuê tài chính:** Bao gồm lãi trên dư nợ gốc trong hạn, lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả quy định tại Điều 4 Hợp đồng này.
- 1.9 **Cơ cấu lại thời hạn trả nợ:** Là việc Bên A chấp thuận điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ như sau: (i) điều chỉnh kỳ hạn trả nợ là việc Bên A chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi cho thuê tài chính của kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận (bao gồm cả trường hợp không thay đổi về số kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận), thời hạn cho thuê tài chính không đổi; (ii) Gia hạn nợ là việc Bên A chấp thuận kéo dài thêm một khoảng thời gian trả nợ gốc và/hoặc lãi cho thuê tài chính vượt quá thời hạn cho thuê tài chính đã thỏa thuận.
- 1.10 **Ngày giải ngân đầu tiên:** Là ngày đầu tiên Bên A giải ngân Khoản nợ.
- 1.11 **Bên A chủ động trích tiền (ghi Nợ):** Là việc Bên A chủ động trích tiền (ghi Nợ) bất kỳ tài khoản nào của Bên B mở tại Bên A để thu hồi nợ gốc, lãi cho thuê tài chính, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có).
- 1.12 **Ngày làm việc:** là bất kỳ ngày nào, trừ ngày nghỉ lễ, nghỉ tết và các ngày nghỉ khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và ngày mà (các) ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa theo quyết định của người/cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 1.13 **Sự kiện Vi phạm:** là các sự kiện được quy định tại Khoản 14.1 Điều 14 của Hợp Đồng này.
- 1.14 **Thay đổi Bất lợi Đáng kể:** là bất kỳ sự kiện, hành vi, điều kiện, văn bản hoặc thay đổi nào mà theo xác định của Bên A có thể ảnh hưởng bất lợi đến: (i) Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, khả năng thực hiện nghĩa vụ hoặc tài sản của Bên B; (ii) Khả năng trả Khoản nợ, lãi, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng; hoặc (iii) Hiệu lực và khả năng thi hành của bất kỳ Văn bản Tín dụng nào.
- 1.15 **Sự kiện biến động thị trường:** Là các trường hợp thay đổi quy định của pháp luật, chính sách tiền tệ, chính sách điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các nguyên nhân khách quan khác trực tiếp hoặc gián tiếp làm tăng chi phí huy động vốn của Bên A trong kỳ tính lãi và/hoặc ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng giải ngân tiền thuê của Bên A theo Hợp Đồng này.
- 1.16 **Văn bản Tín dụng:** là các văn bản, hợp đồng bao gồm: (i) Hợp Đồng này; (ii) Hợp đồng Bảo đảm có liên quan (nếu có); (iii) các văn bản, tài liệu, giấy tờ chứng minh Bên B đủ điều kiện được cấp tín dụng; (iv) Bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa Bên A và Bên B liên quan và/hoặc vì mục đích của Hợp Đồng này.

1.17 Thời gian ân hạn: là khoảng thời gian Bên B chưa phải trả nợ gốc, được tính từ tháng bắt đầu tính lãi khoản cho thuê tài chính đối với Bên B đến tháng Bên B trả nợ gốc kỳ đầu tiên theo thỏa thuận của Hợp đồng này.

Điều 2. Tài sản thuê và nhà cung cấp

Bên A đồng ý cho thuê và Bên B đồng ý thuê của Bên A (các) tài sản theo danh mục và từ nguồn cung cấp dưới đây:

2.1 Danh mục Tài Sản Thuê:

STT	TÊN TÀI SẢN VÀ CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT	GIÁ TRỊ TÀI SẢN (VNĐ)
1	Hệ thống điện mặt trời mái nhà - Công suất 1.561 kWp - Lắp đặt tại nhà máy Jones & Vining- Đồng Nai - Chất lượng: Đã qua sử dụng.	13.828.425.554
	Cộng giá trị trước thuế	13.828.425.554
	Thuế VAT (8%)	1.106.274.044
	Cộng giá sau thuế	14.934.699.598
	Bằng chữ: Mười bốn tỷ chín trăm ba mươi tư triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn năm trăm chín mươi tám đồng (đã bao gồm VAT)	

(Giá trị tài sản 13.828.425.554 VNĐ là giá trị còn theo khấu hao của DN đến 30/04/2026 (chưa gồm VAT) và các chi phí hợp lý, hợp lệ hình thành tài sản tính đến thời điểm ký Hợp đồng)

2.2 Mục đích sử dụng: Phục vụ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

2.3 Địa điểm sử dụng: tại mái Nhà máy Jones & Vining địa chỉ: Đường số 3, KCN Giang Điền, xã Giang Điền, Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. (Nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)

2.4 Bên cung cấp: Công ty TNHH Sản Xuất năng lượng Mặt trời Việt Nam

-Địa chỉ: Số 327/23 Khu tái định cư Lộc Hòa, Ấp Long Hòa, xã Phú Quới, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam.

- Điện thoại: 090.981.8658

- Số tài khoản tiền gửi đồng Việt Nam: 3732037777 tại Ngân hàng Vietcombank- CN Vĩnh Long.

- Người đại diện: **Ông Nguyễn Thanh Phương** Chức vụ: **Giám đốc**

2.5 Bên nhận ủy thác nhập khẩu:

Không có

Điều 3. Khoản nợ

Bằng các Phụ lục đính kèm Hợp Đồng này, các số tiền này có thể được điều chỉnh căn cứ theo những thay đổi (nếu có) trong tổng giá trị tài sản như quy định tại Khoản 2.1 Điều 2.

3.1 Đồng tiền cho thuê: VND

3.2 Số tiền cho thuê

- Tỷ lệ cho thuê: 70% Giá trị tài sản (đã bao gồm VAT)

- Số tiền cho thuê (bằng số) : 10.454.289.719 VNĐ (bao gồm VAT)

- Số tiền cho thuê (bằng chữ): Mười tỷ bốn trăm năm mươi tư triệu hai trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm mười chín đồng.

3.3 Số tiền trả trước

- Số tiền trả trước (bằng số) : 4.480.409.879 VND
- Số tiền trả trước (bằng chữ) : Bốn tỷ bốn trăm tám mươi triệu bốn trăm linh chín nghìn tám trăm bảy mươi chín đồng.
- Số tiền trả trước thực tế sẽ bằng chênh lệch giữa giá trị Tài Sản Thuê thực tế và số tiền cho thuê. Giá trị tài sản cho thuê, số tiền cho thuê và số tiền trả trước cuối cùng sẽ được xác định tại Lịch thanh toán tiền gốc kèm giấy nhận nợ đính kèm Hợp Đồng này. Số tiền trả trước này không được trả lại cho Bên B trong trường hợp Hợp Đồng này bị chấm dứt trước hạn.

3.4 Ký quỹ

- Số tiền ký quỹ
 - Bằng số: **450.000.000 VND**
 - Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu đồng.
- Thời điểm chuyển tiền ký quỹ:
 - Đối với trường hợp Tài Sản Thuê được mua theo một hợp đồng mua bán và/hoặc một hợp đồng ủy thác nhập khẩu, Bên B có nghĩa vụ phải chuyển toàn bộ số tiền ký quỹ cho Bên A trước ngày **(i)** Bên A chuyển khoản tiền giải ngân đầu tiên cho bên cung cấp/ bên nhận ủy thác nhập khẩu hoặc **(ii)** Bên A phát hành cam kết thanh toán thư tín dụng để Bên B nhập khẩu tài sản.
 - Đối với trường hợp Tài Sản Thuê được mua theo nhiều hợp đồng mua bán và/hoặc nhiều hợp đồng ủy thác nhập khẩu, Bên B có nghĩa vụ phải chuyển một phần số tiền ký quỹ cho Bên A trước ngày **(i)** Bên A chuyển khoản tiền giải ngân đầu tiên cho bên cung cấp/ bên nhận ủy thác nhập khẩu hoặc **(ii)** Bên A phát hành cam kết thanh toán thư tín dụng để Bên B nhập khẩu tài sản tùy thời điểm nào đến trước với tỷ lệ số tiền ký quỹ tương ứng với tỷ lệ giữa giá trị phần Tài Sản Thuê được mua nhập khẩu theo từng hợp đồng kinh tế/ hợp đồng ủy thác nhập khẩu trên tổng giá trị toàn bộ Tài Sản Thuê theo quy định tại Hợp Đồng này.
- Kỳ hạn ký quỹ: từ thời điểm Bên A nhận tiền ký quỹ cho đến khi Bên B thực hiện đầy đủ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp Đồng này.

Lãi suất ký quỹ:

Lãi suất cố định: không áp dụng

- Mục đích của tiền ký quỹ: Nhằm đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ của Bên B cho đến khi Bên B thực hiện đầy đủ nghĩa vụ phát sinh từ Hợp Đồng này. Trường hợp Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết trong Hợp Đồng này, Bên A được quyền tự động trích số tiền ký quỹ này để bù đắp những thiếu hụt. Bên B không được quyền yêu cầu Bên A sử dụng tiền ký quỹ để trả các khoản nợ đến hạn hoặc bất kỳ khoản nợ nào của Bên B đối với Bên A. Bên B phải hoàn trả ngay số tiền ký quỹ còn thiếu. Tại thời điểm Bên B thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đã cam kết theo Hợp Đồng này, Bên A sẽ hoàn trả số tiền ký quỹ này và lãi phát sinh từ số tiền ký quỹ (nếu có) cho Bên B hoặc sẽ trừ vào các kỳ thanh toán cuối cùng.

3.5 Giá chọn mua

Khi hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp Đồng này, Bên B được lựa chọn mua lại Tài Sản Thuê theo giá bán danh nghĩa là **14.934.700 VND** (bằng chữ: Mười bốn triệu chín trăm ba mươi tư nghìn bảy trăm đồng) tương đương 0,1% tổng giá trị tài sản (đã gồm VAT).

3.6 Chi phí khác:

Không có

Có, cụ thể:

Điều 4. Lãi suất cho thuê, Phí

4.1 Lãi suất trong hạn

Lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm Bên A giải ngân khoản tiền đầu tiên cho Bên cung cấp và được điều chỉnh định kỳ **03 tháng/lần**. Tại thời điểm giải ngân đầu tiên và các thời điểm điều chỉnh, lãi suất cho thuê được xác định bằng:

- Trong đó 3 tháng đầu kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên, lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng mức lãi suất cao nhất trong các sản phẩm huy động tiền gửi cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng do Vietcombank công bố trên trang web <https://www.vietcombank.com.vn> cộng biên độ 3,7%/năm.
- Sau thời gian ưu đãi, lãi suất cho thuê tài chính được xác định bằng mức lãi suất cao nhất trong các sản phẩm huy động tiền gửi cá nhân bằng VND kỳ hạn 12 tháng do Vietcombank công bố trên trang web <https://www.vietcombank.com.vn> cộng biên độ 4,1%/năm.
- Trường hợp số dư ký quỹ thấp hơn mức quy định kéo dài quá 9 ngày (gọi là Vi phạm ký quỹ), kể từ ngày thứ 10 đến hết thời hạn thuê tài chính, biên độ lãi suất cho thuê tài chính được tính bằng biên độ lãi suất đang áp dụng theo quy định tại phê duyệt này (đã bao gồm biên độ lãi suất cộng thêm trong trường hợp vi phạm điều kiện bảo hiểm - nếu có) cộng thêm tối thiểu 2,2%/năm trong thời gian ưu đãi và 1,8%/năm ngoài thời gian ưu đãi.
- Trường hợp khách hàng không mua bảo hiểm/không tái tục hợp đồng bảo hiểm cho Tài sản cho thuê tài chính (gọi là Vi phạm điều kiện bảo hiểm), biên độ lãi suất cho thuê tài chính được tính bằng biên độ lãi suất đang áp dụng theo quy định tại phê duyệt này (đã bao gồm biên độ lãi suất trong trường hợp vi phạm ký quỹ - nếu có) cộng thêm tối thiểu 1%/năm kể từ thời điểm Vi phạm điều kiện bảo hiểm đến hết thời gian Vi phạm điều kiện bảo hiểm.
- Trong mọi trường hợp, thời điểm và chu kỳ điều chỉnh lãi suất tham chiếu giữ nguyên, không thay đổi.

4.2 Lãi suất quá hạn:

Là lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn nêu tại Khoản 4.1.

4.3 Lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả:

Không áp dụng

4.4 Phí trả nợ trước hạn:

Không áp dụng

Có, bằng 3% dư nợ gốc trả trước hạn trong trường hợp Bên B đề nghị trả trước hạn một phần hoặc toàn bộ dư nợ còn lại của Hợp Đồng này trước 2/3 thời hạn thuê.

4.5 Phí khác:

Không áp dụng

Có, bằng

4.6 Sự kiện Biến động thị trường:

4.6.1 Khi xảy ra Sự kiện Biến động Thị trường, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B biết lãi suất cho thuê tài chính áp dụng trong kỳ tính lãi bị ảnh hưởng bởi Sự kiện Biến động thị trường đó. Thông báo này là một bộ phận không tách rời của Hợp Đồng này.

4.6.2 Nếu Bên B có đề nghị đàm phán lãi suất cho thuê tài chính, hai bên sẽ tổ chức đàm phán lãi suất cho thuê tài chính mới trên cơ sở thiện chí, đảm bảo quyền lợi của các bên. Trong thời gian đàm phán, lãi suất cho thuê tài chính áp dụng là lãi suất cho thuê tài chính mà Bên A đã thông báo đến Bên B khi xảy ra Sự kiện Biến động thị trường. Nếu hai bên không thống nhất được lãi suất cho thuê tài chính mới trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Bên B đề nghị đàm phán lãi suất cho thuê tài chính, Bên A có quyền dừng việc giải ngân và/hoặc yêu cầu Bên B trả nợ trước hạn.

Điều 5. Thời hạn cho thuê, chu kỳ thanh toán, lập hóa đơn

5.1 Thời hạn cho thuê

Thời hạn cho thuê: **84** tháng, trong đó:

- Thời gian ân hạn: 01 tháng.
- 5.2** Thời hạn giải ngân: chậm nhất đến ngày 31/12/2026.

5.3 Kỳ hạn thanh toán:

Thanh toán đều:

Thanh toán không đều:

- Kỳ hạn trả nợ lãi: 01 tháng/ 01 lần

- Số tiền nợ gốc thanh toán hàng kỳ cụ thể như sau:

+ Từ kỳ đầu tiên đến kỳ 20 mỗi tháng trả gốc: 110.000.000 VNĐ

+ Các kỳ còn lại mỗi tháng trả gốc: 130.000.000 VNĐ

+ Kỳ thanh toán cuối cùng: bằng dư nợ gốc còn lại.

5.4 Lập hóa đơn GTGT:

- Hình thức chuyển giao thuế giá trị gia tăng của Tài Sản Thuê:
 - Chuyển giao thuế GTGT một lần: Bên A sẽ lập hóa đơn toàn bộ số tiền thuế giá trị gia tăng của Tài Sản Thuê cho Bên B vào kỳ lập hóa đơn đầu tiên.
 - Chuyển giao thuế GTGT nhiều lần: Bên A sẽ lập hóa đơn số tiền thuế giá trị gia tăng của Tài Sản Thuê cho Bên B trong suốt Thời hạn cho thuê tài chính tương ứng theo các kỳ thanh toán tiền thuê tài chính.
- Đối với trường hợp chuyển giao thuế GTGT nhiều lần, định kỳ sau khi Bên B thanh toán đầy đủ số tiền gốc và lãi theo quy định tại Hợp Đồng này, Bên A sẽ lập hóa đơn dịch vụ cho thuê tài chính cho Bên B theo đúng quy định.
- Riêng hóa đơn dịch vụ cho thuê tài chính với phần tiền trả trước của Bên B sẽ được lập vào kỳ thanh toán đầu tiên của lịch thanh toán thuê tài chính.

Điều 6. Giải ngân

6.1 Điều kiện giải ngân:

Bên A chỉ đồng ý giải ngân khoản nợ khi tất cả các điều kiện dưới đây đã được đáp ứng, trừ trường hợp Bên A quyết định không áp dụng một số điều kiện nhất định đối với Bên B, cụ thể:

- 6.1.1 Số tiền đề nghị giải ngân không vượt quá số tiền cho thuê quy định tại Khoản 3.2, Điều 3 và trong thời hạn giải ngân theo quy định tại Khoản 5.2 Điều 5.
- 6.1.2 Bên A đã nhận được hồ sơ, tài liệu, giấy tờ liên quan đến việc giải ngân phù hợp với quy định tại Hợp Đồng này, cụ thể điều kiện tiên quyết trước khi giải ngân như sau:
 - Gửi thông báo đến Công ty TNHH Jones & Vining trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:
 - (i) Bên A là chủ sở hữu tài sản thuê trong suốt thời gian thuê tài chính;
 - (ii) Bên A được quyền định kỳ và/hoặc đột xuất kiểm tra tài sản thuê;
 - (iii) Công Ty TNHH Jones & Vining không được bán, chuyển nhượng, tặng, cho, cho mượn, góp vốn, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh (hoặc để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ khác) đối với một phần hay toàn bộ tài sản thuê trong suốt thời gian thuê tài chính.
 - Công ty TNHH Sản xuất năng lượng mặt trời Việt Nam cam kết các nội dung sau:
 - (i) Bên A là người thị hưởng bảo hiểm đối với tài sản thuê;
 - (ii) Bên B có trách nhiệm hỗ trợ Bên A khi tiến hành kiểm tra tài sản thuê tài chính định kỳ hoặc đột xuất;
 - (iii) Bên B không được bán, chuyển nhượng, tặng, cho, cho mượn, góp vốn, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh (hoặc để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ khác) đối với một phần hay toàn bộ tài sản thuê trong suốt thời gian thuê tài chính.

- Toàn bộ khoản tiền thanh toán của Công ty TNHH Jones & Vining cho bên thuê tài chính (bao gồm cả tiền cho thuê, tiền dịch vụ vận hành bảo trì, khoản tiền phạt nếu vi phạm hợp đồng...) trong thời gian thuê tài chính phải được chuyển vào tài khoản của bên thuê tài chính mở tại một chi nhánh Vietcombank. Công ty TNHH Sản Xuất Năng lượng Mặt trời Việt Nam có văn bản chấp thuận về việc cho phép VCBL được toàn quyền yêu cầu chi nhánh Vietcombank nơi mở tài khoản trích nợ tài khoản để thu nợ thuê tài chính khi đến hạn mà không cần sự đồng ý của khách hàng trong suốt thời gian thuê tài chính. Mọi giao dịch thanh toán cho các mục đích khác từ tài khoản này của Công ty TNHH Sản Xuất Năng lượng Mặt trời Việt Nam chỉ được thực hiện khi đã hoàn thành nghĩa vụ thanh toán đến hạn với VCBL.

- Bên B cung cấp văn bản chứng nhận đủ điều kiện Phòng cháy chữa cháy của Hệ thống Năng lượng mặt trời.

6.1.3 Các điều kiện khác trước khi ký Hợp đồng mua bán hoặc trước khi giải ngân đã được đáp ứng:

6.1.4 Không có bất kỳ Sự kiện Vi phạm, Thay đổi Bất lợi Đáng kể nào theo quy định tại Hợp Đồng này.

6.1.5 Bên B không vi phạm bất kỳ thỏa thuận, cam kết nào tại Hợp Đồng này hoặc bất kỳ văn bản nào khác trong Văn bản Tín dụng.

6.2 Hồ sơ đề nghị giải ngân

6.2.1 Bản gốc Giấy đề nghị giải ngân kèm Giấy nhận nợ;

6.2.2 Các hồ sơ, tài liệu khác theo yêu cầu của Bên A và theo quy định tại Hợp Đồng này và Hợp đồng mua bán/ Hợp đồng ủy thác nhập khẩu.

6.3 Phương thức thanh toán để giải ngân

Bên A giải ngân khoản nợ thông qua hình thức chuyển khoản hoặc các hình thức khác được Ngân hàng Nhà nước cho phép phù hợp với quy định của Bên A và quy định của pháp luật.

Điều 7. Điều kiện bảo đảm

7.1 Biện pháp bảo đảm bổ sung

Không áp dụng

Có áp dụng, cụ thể:

+ Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện của ông Nguyễn Thanh Phương (CCCD số: 086090003117) đối với toàn bộ nghĩa vụ nợ (gốc, lãi, phí) của Bên B tại Bên A liên quan đến khoản cho thuê tài chính của Hợp đồng này. Việc phát hành văn bản bảo lãnh này phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện của Công ty TNHH Việt Nam Solar (MST: 0315209693) đối với toàn bộ nghĩa vụ nợ (gốc, lãi, phí) của Bên B tại Bên A liên quan đến khoản cho thuê tài chính của Hợp đồng này. Việc phát hành văn bản bảo lãnh này phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật.

7.2 Nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng này còn có thể được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm và/hoặc Hợp đồng Bảo đảm khác được xác lập giữa Bên A với Bên B và/hoặc với bên thứ ba trước và/hoặc cùng và/hoặc sau ngày ký Hợp Đồng này mà trong đó có quy định hoặc dẫn chiếu đến nghĩa vụ được bảo đảm, bao gồm cả nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng này.

7.3 Biện Pháp bảo đảm khác:

+ Trong trường hợp Hệ thống điện Năng lượng mặt trời có đấu nối với lưới điện: Khách hàng cung cấp hồ sơ thể hiện việc đã đăng ký phát triển điện mặt trời/ Giấy phép hoạt động điện lực/ Biên bản kiểm tra điều kiện đóng điện điểm đấu nối của đơn vị điện lực.

PHẦN 2: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 8. Trả nợ gốc, lãi, phí và nghĩa vụ tài chính khác

8.1 Cấu phần của tiền thuê:

- Nợ gốc: Được xác định bằng số tiền cho thuê quy định tại Khoản 3.2 Điều 3 Hợp Đồng này.
- Lãi trong hạn.
- Lãi quá hạn (nếu có).
- Lãi chậm trả (nếu có).
- Phí (nếu có).
- Giá chọn mua.

8.2 Phương thức tính lãi được xác định như sau:

8.2.1 Lãi cho thuê tài chính trong hạn:

$$\text{Lãi cho thuê tài chính trong hạn} = \sum \text{Dư nợ thực tế} \times \frac{\text{LS trong hạn (năm)}}{365} \times \text{Số ngày thực tế phải trả lãi của kỳ hạn}$$

8.2.2 Lãi cho thuê tài chính quá hạn:

$$\text{Lãi cho thuê tài chính quá hạn} = \sum \text{Dư nợ gốc quá hạn} \times \frac{\text{LS quá hạn - Lãi suất trong hạn (năm)}}{365} \times \text{Số ngày quá hạn}$$

8.2.3 Lãi chậm trả

$$\text{Lãi chậm trả} = \sum \text{Số dư lãi chậm trả} \times \frac{\text{Lãi suất chậm trả (năm)}}{365} \times \text{Số ngày chậm trả}$$

8.2.4 Phí phạt trả nợ trước hạn

$$\text{Phí phạt trả nợ trước hạn} = \text{Tỷ lệ phí trả nợ trước hạn (\%)} \times \text{Số tiền trả nợ trước hạn}$$

8.3 Trả tiền thuê

8.3.1 Bên B mặc nhiên có nghĩa vụ trả tiền thuê theo quy định cụ thể trong Hợp Đồng này cho Bên A ngay thời điểm Bên A chuyển khoản tiền thanh toán đầu tiên cho nhà cung cấp/ bên nhận ủy thác mà không phụ thuộc vào bất kỳ rủi ro nào liên quan đến Tài Sản Thuê, quá trình mua tài sản, tình trạng của nhà cung cấp/ bên nhận ủy thác hay các lý do khác.

8.3.2 Bên B có trách nhiệm thanh toán tiền thuê cho Bên A căn cứ “Lịch thanh toán (tiền gốc) kèm Giấy nhận nợ” đính kèm Hợp Đồng này và “Thông báo thanh toán tiền thuê” định kỳ do Bên A lập. Nghĩa vụ thanh toán của Bên B theo Hợp Đồng này là không thay đổi dù Bên B nhận được hay không nhận được “Thông báo thanh toán tiền thuê” nêu trên. Việc thanh toán phải được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Bên A mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và chỉ được sửa đổi điều khoản chuyển tiền thanh toán về tài khoản tại tổ chức tín dụng khác nếu Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam có văn bản xác nhận đồng ý. Nghĩa vụ thanh toán của Bên B chỉ được hoàn thành vào ngày tài khoản của Bên A được ghi Có.

Bên A có toàn quyền lựa chọn phương thức hạch toán tiền thuê.

8.3.3 Trường hợp phát sinh các nghiệp vụ có liên quan đến (các) Khoản nợ, Bên B đồng ý trả ngay cho Bên A các loại phí phát sinh theo biểu phí cho Bên A công bố tại thời điểm ký Hợp đồng này hoặc tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ có liên quan đến (các) Khoản nợ, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

8.3.4 Bên B phải trả các khoản phí, lệ phí để thực hiện các thủ tục công chứng/chứng thực/xác nhận, đăng ký giao dịch bảo đảm (trừ đăng ký giao dịch bảo đảm đối với Hợp đồng này), định giá/thẩm định giá tài sản bảo đảm và các loại phí, lệ phí khác (nếu có) phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai liên quan đến khoản cho thuê tài chính theo Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp Bên A trả thay cho Bên B các khoản phí, lệ phí này thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả số tiền Bên A đã trả thay cho Bên B trong thời hạn phù hợp do Bên A yêu cầu.

8.4 Trả nợ trước hạn:

8.4.1 Bên B chỉ được trả một phần hoặc toàn bộ Khoản nợ trước hạn nếu được Bên A đồng ý.

8.4.2 Bên B phải trả nợ trước hạn khi Bên A chấm dứt cho thuê tài chính, thu hồi nợ trước hạn theo quy định tại Điều 14 Hợp đồng này.

8.4.3 Trong trường hợp Bên B trả toàn bộ Khoản nợ trước hạn thì khoản lãi của nợ gốc mà Bên B trả nợ trước hạn cũng đến hạn cùng ngày với ngày Bên B trả nợ gốc trước hạn đó. Bên B phải trả khoản lãi này cùng ngày với ngày Bên B trả nợ gốc trước hạn.

8.5 Cơ cấu lại thời hạn trả nợ:

8.5.1 Nếu Bên B có nhu cầu cơ cấu lại thời hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi cho thuê tài chính thì Bên B phải gửi giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ và phương án/kế hoạch trả nợ mới khả thi đến Bên A ít nhất 05 Ngày làm việc trước ngày đến hạn trả nợ.

8.5.2 Nếu Bên B không gửi giấy đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ và phương án/kế hoạch trả nợ mới khả thi trong thời hạn quy định tại Điểm 8.5.1 hoặc Bên A không chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo đề nghị của Bên B thì Bên B phải trả nợ theo đúng thời hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi cho thuê tài chính đã thỏa thuận.

8.5.3 Trường hợp Bên A chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi cho thuê tài chính, Bên A gửi thông báo bằng văn bản có các điều kiện của việc

cơ cấu lại thời hạn trả nợ để Bên B biết và thực hiện. Thông báo cơ cấu lại thời hạn trả nợ là một phần không tách rời của Hợp Đồng này.

8.6 Chuyển nợ quá hạn:

Bên B đồng ý việc Bên A có quyền chủ động chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Bên B không trả được nợ đúng hạn theo quy định tại Hợp Đồng này và không được Bên A chấp thuận Cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Khoản 8.5 Điều này. Bên A thông báo cho Bên B về việc chuyển nợ quá hạn, trong đó có nội dung: số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn. Thông báo chuyển nợ quá hạn là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.

8.7 Đồng tiền thanh toán:

8.7.1 Đồng tiền trả Khoản nợ và lãi là đồng tiền tương ứng với đồng tiền Bên B đã nhận nợ tại Bên A. Đồng tiền trả các loại phí và nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) quy định tại Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng là đồng Việt Nam.

8.7.2 Bên B nhận Khoản nợ bằng loại tiền nào thì trả Khoản nợ và lãi bằng loại tiền đó. Trong trường hợp đồng tiền thuê tài chính là ngoại tệ, Bên B cam kết đã hiểu rõ và thống nhất rằng (i) Bên B được phép thuê tài chính bằng ngoại tệ và tự chịu trách nhiệm cân đối nguồn thu ngoại tệ của mình để trả nợ thuê tài chính và (ii) Bên A không có nghĩa vụ bán ngoại tệ cho Bên B để thanh toán nợ thuê tài chính.

8.8 Nghĩa vụ thuế:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh nghĩa vụ nộp thuế của Bên B theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế thì thực hiện như sau:

8.8.1 Số tiền Bên B phải trả Khoản nợ, lãi, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định tại Hợp đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng không bị khấu trừ hoặc giữ lại để nộp bất kỳ khoản thuế, lệ phí hoặc khoản thu nào, trừ thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên tổng thu nhập thuần của Bên B.

8.8.2 Bên B đồng ý việc Bên A chủ động Trích tiền ký quỹ (nếu còn) trước khi Bên B thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế.

8.9 Phương thức, thứ tự ưu tiên thanh toán

8.9.1 Bên B đồng ý việc Bên A thu nợ đối với Khoản nợ của Bên B chưa bị quá hạn nợ gốc theo thứ tự như sau: (i) Nợ lãi quá hạn; (ii) Nợ lãi trong hạn; (iii) Nợ gốc quá hạn¹; (iv) Nợ gốc đến hạn²; (v) Các loại

phí; (vi) Các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có). Trong trường hợp này, việc thay đổi thứ tự ưu tiên thu nợ do Bên A quyết định trong từng thời kỳ phù hợp quy định của pháp luật

8.10 Ngày đến hạn

8.10.1 Ngày đến hạn Bên B phải trả Khoản nợ, lãi, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) được quy định cụ thể trong Hợp Đồng này.

8.10.2 Trường hợp ngày đến hạn trả Khoản nợ, lãi, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) không phải là Ngày làm việc thì Bên B phải trả Khoản nợ, lãi, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) vào Ngày làm việc tiếp theo. Chi tiết về ngày đến hạn được quy định tại “Lịch thanh toán (tiền gốc) kèm Giấy nhận nợ” đính kèm Hợp Đồng này và “Thông báo thanh toán tiền thuê” định kỳ do Bên A lập.

Điều 9. Sở hữu Tài Sản Thuê và chuyển giao quyền sở hữu

9.1 Tài Sản Thuê sẽ được Bên A mua theo yêu cầu của Bên B để cho Bên B thuê tài chính trên cơ sở hợp đồng mua bán tài sản/hợp đồng ủy thác nhập khẩu và có biên bản bàn giao tài sản với Bên B. Chi tiết về Tài Sản Thuê như: tên, nước sản xuất, năm sản xuất, số serial, chi tiết kỹ thuật, màu sơn, ... sẽ được nêu chi tiết trong Biên bản bàn giao tài sản và/hoặc Phụ lục đính kèm Hợp Đồng này. Tổng trị giá Tài Sản Thuê và Tài Sản Thuê có thể được điều chỉnh bằng Lịch thanh toán tiền gốc kèm Giấy nhận nợ và được coi là phụ lục của Hợp Đồng này nếu có những thay đổi phát sinh được hai bên chấp thuận.

9.2 Bên B phải luôn đặt Tài Sản Thuê tại địa điểm sử dụng như quy định tại Điều 2 Hợp Đồng này. Trường hợp Bên B muốn thay đổi địa điểm sử dụng Tài Sản Thuê, Bên B phải thông báo trước cho Bên A bằng văn bản và phải được Bên A chấp thuận bằng văn bản trước khi tiến hành thay đổi.

9.3 Sau khi kết thúc Thời hạn cho thuê hoặc Bên B trả nợ trước hạn như nêu tại Khoản 8.4 Điều 8, nếu Bên B đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo những thỏa thuận trong Hợp Đồng này và Bên B không vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong bất kỳ giao dịch nào với Bên A, Bên A cam kết sẽ bán lại Tài Sản Thuê nêu tại Điều 2 nêu trên cho Bên B với giá chọn mua ghi tại Khoản 3.5 Điều 3. Các chi phí liên quan đến chuyển giao quyền sở hữu Tài Sản Thuê khi thanh lý Hợp Đồng này do Bên B chịu.

Điều 10. Bảo hiểm tài sản thuê

10.1 Tài Sản Thuê phải được mua bảo hiểm toàn bộ trong suốt Thời hạn cho thuê với giá trị mua bảo hiểm tối thiểu bằng 110% dư nợ cho thuê tài chính. Việc mua bảo hiểm sẽ do Bên B thực hiện tại một công ty bảo

¹Nợ gốc quá hạn là nợ gốc của kỳ hạn không trả nợ đúng hạn và không được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

²Nợ gốc đến hạn là nợ gốc đến hạn trả nợ theo lịch trả nợ đã được thỏa thuận hoặc nợ gốc chưa đến hạn trả nợ nhưng bị chuyển sang nợ quá hạn do nợ gốc/lãi của kỳ hạn trả nợ gốc/lãi khác không trả đúng hạn và phải chuyển sang nợ quá hạn.

hiểm do hai bên thoả thuận. Bên A là người thụ hưởng bảo hiểm, Bên B là người chịu trách nhiệm trả phí bảo hiểm.

10.2 Trong trường hợp đến thời điểm tái tục bảo hiểm mà Bên B không thực hiện việc mua bảo hiểm theo thỏa thuận tại Khoản 10.1 nêu trên, Bên A sẽ tự mua bảo hiểm cho Tài Sản Thuê. Bên B chịu trách nhiệm thanh toán khoản phí bảo hiểm này. Trong trường hợp, Bên B không trả Bên A được quyền tính khoản phí bảo hiểm đó vào dư nợ cho thuê tài chính của Bên B tại Bên A và tính lãi như quy định tại Điều 4 Hợp Đồng này với số tiền đó.

10.3 Khi xảy ra sự cố được bảo hiểm, Bên B phải lập tức báo cho Bên A biết và phối hợp với Bên A hoàn tất các thủ tục để nhận bồi thường. Tiền bồi thường bảo hiểm sẽ được trả cho Bên A và Bên A được toàn quyền lựa chọn thứ tự ưu tiên khi sử dụng số tiền này vào các mục đích gồm: (i) Sửa chữa hay thay thế Tài Sản Thuê (ii) Bù trừ cho các khoản thanh toán còn lại của Bên B bao gồm tiền thuê, giá chọn mua và các chi phí khác (nếu có), (iii) Bồi thường cho bên thứ ba bị thiệt hại do sự cố có bảo hiểm, (iv) thanh toán các nghĩa vụ nợ quá hạn phát sinh từ bất kỳ hợp đồng nào ký giữa Bên B và Bên A. Số tiền còn lại sau khi sử dụng cho các mục đích trên sẽ được Bên A hoàn trả cho Bên B.

10.4 Các nghĩa vụ khác của Bên B như quy định tại các điều khoản trong Hợp Đồng này vẫn phải được tuân thủ cho dù có xảy ra mất mát hay thiệt hại không được bảo hiểm.

Điều 11. Cam đoan của các bên

11.1 Cam đoan của Bên B:

Vào ngày ký kết Hợp Đồng này, Bên B cam đoan như sau:

11.1.1 Được thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Bên B; Bên B có quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản của Bên B liên quan đến việc cấp tín dụng theo Hợp Đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn ở tài sản bảo đảm, Tài Sản Thuê (trường hợp Bên B đồng thời là Bên cung cấp/ Bên nhận ủy thác nhập khẩu)..v.v.

11.1.2 Người đại diện của Bên B có thẩm quyền ký kết Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Bên B. Việc ký kết, thực hiện Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng không vi phạm quy định của pháp luật, quy định nội bộ của Bên B và các cam kết, thỏa thuận khác của Bên B đối với bên thứ ba.

11.1.3 Nghĩa vụ trả Khoản nợ, lãi, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) của Bên B theo Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng có thứ tự trả nợ thứ nhất hoặc ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ trả nợ không có bảo đảm, trừ các

nghĩa vụ bắt buộc ưu tiên thanh toán theo quy định của pháp luật.

11.1.4 Bảo đảm các thông tin, tài liệu, báo cáo tài chính mà Bên B hoặc người của Bên B cung cấp cho Bên A là chính xác, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động của Bên B.

11.1.5 Việc Bên B ký kết, thực hiện Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng không dẫn đến Sự kiện Vi phạm theo quy định tại Hợp Đồng này.

11.1.6 Bên B hoặc tài sản hoặc doanh thu của Bên B không liên quan đến bất kỳ thủ tục tố tụng, thủ tục trọng tài hoặc thủ tục hành chính hoặc không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu thanh toán bất kỳ nghĩa vụ thuế nào dẫn đến Thay đổi Bất lợi Đáng kể theo quy định tại Hợp Đồng này.

11.1.7 Không có bất kỳ thủ tục nội bộ hoặc thủ tục pháp lý nào liên quan đến việc ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể, tổ chức lại, phá sản, chỉ định người quản lý tài sản/quản tài viên/doanh nghiệp quản lý tài sản, chuyển đổi hình thức pháp lý khác hoặc sự kiện có tính chất tương tự đang diễn ra, đang được giải quyết hoặc đe dọa diễn ra đối với Bên B hoặc tài sản hoặc doanh thu của Bên B, trừ trường hợp được Bên A đồng ý bằng văn bản.

11.1.8 Không sử dụng bất kỳ tài sản, quyền tài sản nào, các khoản phải thu hình thành từ Khoản nợ của Bên A để bảo đảm cho nghĩa vụ của Bên B tại các cá nhân, tổ chức khác.

11.1.9 Bên B, tài sản và doanh thu của Bên B không được hưởng quyền miễn trừ liên quan đến việc bù trừ nghĩa vụ, tố tụng hoặc thi hành án.

11.1.10 Trường hợp Bên B là doanh nghiệp có vốn nhà nước, Bên B bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

11.1.11 Đã đọc kỹ, hiểu rõ đầy đủ các điều khoản, điều kiện và nhất trí, hoàn toàn tự nguyện tham gia ký kết, thực hiện Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng.

11.1.12 Đã được Bên A cung cấp đầy đủ thông tin về lãi suất cho thuê tài chính; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho thuê tài chính đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho thuê tài chính có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản thuê tài chính; thông tin về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung có liên quan; và các thông tin khác có liên quan đến toàn bộ Hợp đồng này.

11.1.13 Khách hàng cam kết tuân thủ các quy định về môi trường liên quan đến dự án đầu tư có rủi ro về môi trường và thực hiện các biện pháp thích hợp (bao

gồm nhưng không giới hạn trong các biện pháp theo phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước) nhằm ngăn ngừa, hạn chế rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của dự án đầu tư.

11.2 Cam đoan của Bên A:

Vào ngày ký kết Hợp Đồng này, Bên A cam đoan như sau:

- 11.2.1 Được thành lập, hoạt động hợp pháp và được thực hiện cho thuê tài chính phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.
- 11.2.2 Người đại diện của Bên A có thẩm quyền ký kết, thực hiện, đã hoàn tất các thủ tục cần thiết trong nội bộ và các thủ tục cần thiết khác để được phép ký kết, thực hiện Hợp Đồng này và văn bản liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 11.2.3 Đã đọc kỹ, hiểu rõ đầy đủ các điều khoản, điều kiện và nhất trí, hoàn toàn tự nguyện tham gia ký kết, thực hiện Hợp Đồng này và văn bản liên quan trong Văn bản Tín dụng.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

- 12.1 Yêu cầu Bên B cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực các tài liệu, thông tin liên quan đến việc Khoán cấp Tín dụng, tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, những thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy, vốn, tài sản, điều lệ, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa điểm sản xuất kinh doanh, việc đổi mới sắp xếp lại hoạt động kinh doanh của Bên B và các thông tin khác theo quy định tại Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng trước và trong quá trình cấp tín dụng.
- 12.2 Từ chối tiếp tục giải ngân khi Bên B không thực hiện đầy đủ các điều kiện về giải ngân theo quy định tại Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng trước và trong quá trình cấp tín dụng;
- 12.3 Yêu cầu Bên B sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của Bên B để trả Khoản nợ, lãi, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo quy định tại Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản tín dụng.
- 12.4 Bên A không chịu trách nhiệm đối với việc bàn giao Tài Sản Thuê chậm từ phía Bên cung cấp/ Bên nhận ủy thác nhập khẩu và việc bàn giao Tài Sản Thuê không đúng với các đặc tính kỹ thuật, chủng loại, điều kiện bảo hành, bảo dưỡng
- 12.5 Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường các thiệt hại phát sinh do Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa Tài Sản Thuê, thanh toán tiền bảo hiểm Tài Sản Thuê... trong suốt thời gian cho thuê;
- 12.6 Bù trừ các nghĩa vụ của Bên B đối với Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng mà không cần gửi bất kỳ văn bản thông báo nào cho Bên B hoặc bất kỳ chủ thể nào khác thông qua việc (i) Bên A chủ động trích

tiền ký quỹ theo quy định tại Hợp Đồng này; và (ii) Bên A chủ động cản trở bất kỳ nghĩa vụ nào khác của Bên B tại Bên A. Trong trường hợp này, sau khi thực hiện xong việc bù trừ nghĩa vụ của Bên B, Bên A thông báo cho Bên B biết.

- 12.7 Kiểm tra, giám sát quá trình thuê tài chính và thực hiện nghĩa vụ của Bên B; yêu cầu Bên B thông báo, cung cấp thông tin về việc sử dụng Khoản nợ, tình hình tài chính, tài sản, doanh thu của Bên B, thông tin về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến Khoản nợ hoặc tình hình thực hiện nghĩa vụ của Bên B.
- 12.8 Thực hiện giảm, miễn lãi cho thuê tài chính, cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho Bên B theo quy định nội bộ của Bên A, quy định của pháp luật và quy định tại Hợp đồng này.
- 12.9 Xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Hợp Đồng này, văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng, Hợp đồng Bảo đảm có liên quan và theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với trường hợp Bên B được bảo lãnh.
- 12.10 Yêu cầu Bên B thực hiện các biện pháp cần thiết và khả thi để khắc phục Sự kiện Vi phạm, Thay đổi Bất lợi Đáng kể; khởi kiện Bên B, nếu Bên B vi phạm quy định tại Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 12.11 Bên A được quyền thế chấp một phần hoặc toàn bộ quyền của Bên A phát sinh theo Hợp đồng này cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Bằng việc ký Hợp Đồng này, Bên B đồng ý và xác nhận đã biết về việc Bên A thế chấp một phần hoặc toàn bộ quyền của Bên A phát sinh theo Hợp Đồng này cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.
- 12.12 Thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm đối với Hợp Đồng này tại Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.
- 12.13 Lập hóa đơn giá trị gia tăng đối với dịch vụ cho thuê tài chính theo quy định tại Khoản 5.4 Điều 5.
- 12.14 Tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B trong việc sử dụng Tài Sản Thuê theo đúng các quy định tại Hợp Đồng này.
- 12.15 Chịu trách nhiệm đối với các khoản phí chuyển tiền do Bên A thực hiện thanh toán trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn ở việc mua Tài Sản Thuê, trả lãi tiền ký quỹ... trừ khi các bên có thỏa thuận khác.
- 12.16 Thông báo đến Bên B các loại phí (nếu có) liên quan đến Khoản nợ quy định tại Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng.
- 12.17 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Hợp Đồng này, văn bản có liên quan trong Văn bản tín dụng và theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

- 13.1** Lựa chọn Bên cung cấp/ Bên nhận ủy thác nhập khẩu đồng thời chủ động lựa chọn, thỏa thuận với Bên cung cấp/ Bên nhận ủy thác nhập khẩu về chủng loại, đặc tính kỹ thuật, giá cả, cách thức và thời gian giao nhận, lắp đặt và bảo hành, bảo dưỡng Tài Sản Thuê. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc lựa chọn, thương lượng và thỏa thuận với Bên cung cấp Tài Sản Thuê về các đặc tính kỹ thuật, loại tài sản, giá cả, bảo hiểm, cách thức, thời gian giao nhận và bảo hành Tài Sản Thuê và trực tiếp nhận Tài Sản Thuê của Bên cung cấp/ Bên nhận ủy thác nhập khẩu;
- 13.2** Trực tiếp nhận Tài Sản Thuê từ Bên cung cấp/ Bên nhận ủy thác nhập khẩu theo thỏa thuận trong hợp đồng mua tài sản;
- 13.3** Yêu cầu Bên A giải ngân theo các điều khoản, điều kiện quy định tại Hợp Đồng này.
- 13.4** Lựa chọn mua lại Tài Sản Thuê hay thuê tiếp theo các điều kiện đã thỏa thuận sẽ được hai bên thỏa thuận sau khi kết thúc thời hạn cho thuê;
- 13.5** Cung cấp kịp thời, đầy đủ, trung thực và tự chịu trách nhiệm về tính xác thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Bên A trước và trong suốt Thời hạn cho thuê;
- 13.6** Bên B phải thanh toán tiền thuê (gốc, lãi, lãi quá hạn và phí nếu có) đúng hạn và có nghĩa vụ dùng toàn bộ nguồn tiền của mình (không giới hạn ở các khoản thu được từ Tài Sản Thuê) để thanh toán một phần/toàn bộ nợ thuê khi có thông báo của Bên A theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và các phụ lục đính kèm Hợp Đồng này;
- 13.7** Bên B bằng Hợp Đồng này mặc nhiên ủy quyền cho Bên A được yêu cầu các ngân hàng mà Bên B mở tài khoản chủ động trích tài khoản tiền gửi của Bên B để thanh toán Khoản nợ và lãi và các chi phí phát sinh trong trường hợp Bên B không thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp Đồng này và các phụ lục đính kèm Hợp Đồng này;
- 13.8** Trong trường hợp không có thỏa thuận tính vào giá trị Tài Sản Thuê, Bên B phải thanh toán các chi phí liên quan đến việc mua Tài Sản Thuê hoặc nhập khẩu Tài Sản Thuê (nếu có), chi phí mua, vận chuyển Tài Sản Thuê, các khoản thuế, lệ phí đăng ký quyền sở hữu Tài Sản Thuê ..v.v.;
- 13.9** Bên B chịu trách nhiệm toàn bộ đối với việc khiếu nại Nhà sản xuất/ Bên cung cấp/ Bên nhận ủy thác nhập khẩu về bất kỳ lý do gì liên quan đến Tài Sản Thuê bao gồm nhưng không giới hạn ở việc bàn giao chậm; bàn giao không đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, điều kiện bảo dưỡng, bảo hành....
- 13.10** Bên B có trách nhiệm xin đủ các giấy phép sử dụng Tài Sản Thuê, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước trong quá trình sử dụng, và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình mua, lựa chọn và sử dụng Tài Sản Thuê;
- 13.11** Bên B có trách nhiệm khai thác, sử dụng Tài Sản Thuê theo đúng mục đích quy định trong Hợp Đồng này, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành. Không được phép chuyển quyền sử dụng Tài Sản Thuê cho cá nhân, tổ chức khác nếu không được Bên A đồng ý bằng văn bản;
- 13.12** Bên B chịu trách nhiệm bảo quản tốt Tài Sản Thuê, tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình kỹ thuật sử dụng, bảo dưỡng, sửa chữa Tài Sản Thuê theo qui định đồng thời tự chịu các chi phí phát sinh trong quá trình khai thác sử dụng Tài Sản Thuê, bao gồm nhưng không giới hạn ở chi phí về sửa chữa, bảo hành, bảo dưỡng, phụ tùng thay thế..., bảo đảm việc sửa chữa, thay thế không làm giảm giá trị của Tài Sản Thuê so với thời điểm trước sửa chữa, thay thế..... Các phụ tùng thay thế sau khi lắp ráp vào Tài Sản Thuê được xem là bộ phận không thể tách rời của Tài Sản Thuê và thuộc sở hữu hợp pháp của Bên A;
- 13.13** Trong trường hợp Tài Sản Thuê bị mất, đánh cắp, phá hủy hoặc hỏng hóc không thể sửa chữa vì bất kỳ lý do nào, theo yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ thực hiện (i) thay thế Tài Sản Thuê với một Tài Sản Thuê tương tự hoặc mới hơn và chuyển quyền sở hữu của Tài Sản Thuê đó cho Bên A để cả hai bên tiếp tục thực hiện Hợp Đồng này, hoặc (ii) ngay lập tức thanh toán cho Bên A toàn bộ tiền thuê còn lại của Hợp Đồng này;
- 13.14** Bên B cam kết và bảo đảm quyền sở hữu đối với Tài Sản Thuê của Bên A cho đến khi Bên B hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp Đồng này. Trong trường hợp Bên B bị phá sản, giải thể, mất khả năng thanh toán, Tài Sản Thuê không được coi là tài sản của Bên B khi xử lý tài sản để trả nợ cho chủ nợ khác;
- 13.15** Bên A hoặc đại diện được ủy quyền của Bên A có quyền kiểm tra Tài Sản Thuê vào bất kỳ thời điểm nào. Bên B có trách nhiệm tạo mọi điều kiện cần thiết để Bên A thực hiện quyền kiểm tra Tài Sản Thuê;
- 13.16** Không được dùng tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng này và các văn bản có liên quan trong Văn bản tín dụng để thế chấp, cầm cố cho tổ chức tín dụng khác khi chưa trả hết tiền thuê theo quy định tại Hợp đồng này và các văn bản có liên quan trong Văn bản tín dụng, trừ trường hợp có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A. Bên B phải bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc các biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của Bên A;
- 13.17** Bên B tuyệt đối không được phép bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, góp vốn liên doanh bằng Tài Sản Thuê dưới bất kỳ hình thức nào. Không

được dùng Tài Sản Thuê để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ khác trừ trường hợp để bảo đảm cho các nghĩa vụ khác của Bên B tại Bên A.

- 13.18** Không được phép thay đổi hình dạng hoặc đặc tính kỹ thuật của Tài Sản Thuê nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A. Không được tẩy xoá, làm hỏng ký hiệu sở hữu gắn trên Tài Sản Thuê;
- 13.19** Bên B chịu toàn bộ trách nhiệm đối với những hỏng hóc, tai nạn, thương vong chết người và ô nhiễm môi trường... do Tài Sản Thuê gây ra;
- 13.20** Chịu trách nhiệm đối với các khoản phí chuyển tiền do Bên B thực hiện thanh toán trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn ở việc mua Tài Sản Thuê, chuyển tiền ký quỹ, thanh toán tiền thuê.;
- 13.21** Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Bên A, bao gồm:
- 13.21.1 Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm. Trường hợp cần thiết, Bên B phải cung cấp báo cáo tài chính năm đã kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán có uy tín theo yêu cầu của Bên A;
- 13.21.2 Các thông tin, tài liệu liên quan đến việc đề nghị cấp tín dụng và mục đích sử dụng Khoản nợ; thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Bên B; thông tin, tài liệu chứng minh năng lực tài chính của Bên B và bên bảo đảm theo các Hợp đồng Bảo đảm có liên quan;
- 13.21.3 Bản sao y bản chính các văn bản nội bộ (điều lệ, quyết định thành lập và các văn bản khác) của Bên B và bản sao có chứng thực hợp pháp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, quyết định thành lập và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
- 13.22** Thông báo bằng văn bản và cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác, trung thực cho Bên A khi phát sinh một trong những trường hợp sau:
- 13.22.1 Chuẩn bị thực hiện ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể, tổ chức lại, phá sản, chỉ định người quản lý tài sản, chia/tách/sáp nhập/hợp nhất/cổ phần hóa/chuyển đổi hình thức pháp lý khác hoặc sự kiện có tính chất tương tự;
- 13.22.2 Đổi tên, thay đổi địa chỉ trụ sở chính; sửa đổi, bổ sung điều lệ của Bên B;
- 13.22.3 Thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên/ Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên; thay đổi người đại diện theo pháp luật của Bên B.
- 13.22.4 Phát sinh bất đồng, tranh chấp, thủ tục pháp lý hoặc thủ tục hành chính đối với Bên B hoặc nhân sự của Bên B có thể dẫn đến Thay đổi Bất lợi Đáng kể;

13.22.5 Thay đổi về tài sản bảo đảm và hình thức pháp lý của bên bảo đảm hoặc bên bảo lãnh có liên quan (nếu có);

13.22.6 Thay đổi về vốn hoặc tài sản của Bên B có thể dẫn đến Thay đổi Bất lợi Đáng kể;

13.22.7 Xảy ra bất kỳ Thay đổi Bất lợi Đáng kể, Sự kiện Vi phạm nào và các biện pháp mà Bên B đang thực hiện để khắc phục các sự kiện này.

13.23 Được quyền khiếu nại, khởi kiện Bên A khi Bên A vi phạm Hợp Đồng này;

13.24 Các quyền nghĩa vụ khác theo quy định trong Hợp Đồng này, văn bản có liên quan trong Văn bản tín dụng và theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Sự kiện Vi phạm và biện pháp xử lý

14.1 Sự kiện Vi phạm:

Bất kỳ sự kiện nào dưới đây đều được coi là Sự kiện Vi phạm:

14.1.1 Bên B không trả đầy đủ, đúng hạn Khoản nợ, lãi, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng.

14.1.2 Bên B sử dụng Tài Sản Thuê sai mục đích; kinh doanh thua lỗ và không khắc phục được làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ của Bên B đối với Bên A hoặc có tranh chấp đe dọa đến biện pháp bảo đảm và/hoặc tài sản bảo đảm quy định tại Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng.

14.1.3 Bên B không bổ sung tài sản bảo đảm và/hoặc biện pháp bảo đảm khác theo yêu cầu của Bên A theo quy định tại Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng.

14.1.4 Bên B không mua, duy trì bảo hiểm Tài Sản Thuê theo yêu cầu của Bên A và theo quy định tại Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng.

14.1.5 Bên A có cơ sở xác định bất kỳ cam đoan nào do Bên B đưa ra trong Hợp Đồng này là không chính xác, trung thực và hợp lý.

14.1.6 Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo bất kỳ thỏa thuận nào giữa Bên B và Bên A.

14.1.7 Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa Bên B với bất kỳ cá nhân, tổ chức khác mà Bên A có cơ sở xác định ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ trả Khoản nợ của Bên B đối với Bên A theo Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng.

14.1.8 Bên B lâm vào tình trạng phá sản; hoặc đơn yêu cầu tuyên bố phá sản đối với Bên B đã được nộp tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; hoặc Bên B ngừng, tuyên bố ngừng toàn bộ hoặc

một phần hoạt động của mình; hoặc Bên B đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giải thể theo quy định của pháp luật.

14.1.9 Bất kỳ quy định nào tại Hợp Đồng này và Văn bản Tín dụng bị vô hiệu hoặc bị chấm dứt trước hạn theo quy định của pháp luật; hoặc Bên B từ chối, không công nhận nghĩa vụ đã thỏa thuận với Bên A theo Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng.

14.1.10 Bên B bị Tòa án hoặc Trọng tài có thẩm quyền ra phán quyết mà Bên A có cơ sở xác định phán quyết đó có khả năng dẫn đến Thay đổi Bất lợi Đáng kể.

14.1.11 Báo cáo tài chính được kiểm toán của Bên B có bất kỳ nhận xét loại trừ đáng kể nào của đơn vị kiểm toán mà Bên A có cơ sở xác định nhận xét loại trừ đó có khả năng dẫn đến Thay đổi Bất lợi Đáng kể.

14.1.12 Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Bên B, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, người đại diện theo pháp luật của Bên B bị khởi tố, điều tra, truy tố hoặc xét xử liên quan đến bất kỳ hoạt động kinh doanh nào của Bên B.

14.1.13 Bên B vi phạm bất kỳ quy định nào tại Hợp Đồng này hoặc văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng.

14.1.14 Xảy ra bất kỳ Thay đổi Bất lợi Đáng kể nào.

14.2 Biện pháp xử lý

14.3 Khi xảy ra bất kỳ Sự kiện Vi phạm nào quy định tại Hợp Đồng này, Bên B đồng ý Bên A được toàn quyền chủ động áp dụng một hoặc nhiều biện pháp sau đây:

14.3.1 Ngừng cấp tín dụng, chấm dứt việc cấp tín dụng và thu hồi Khoản nợ trước hạn.

14.3.1.1 Bên B đồng ý việc Bên A có quyền chấm dứt việc cho thuê, thu hồi nợ trước hạn khi xảy ra một, một số hoặc tất cả Sự kiện vi phạm quy định tại Hợp đồng này. Trong trường hợp này, Bên A có quyền:

i) Yêu cầu Bên B bàn giao Tài Sản Thuê về địa điểm do Bên A chỉ định bằng chi phí của Bên B. Trong trường hợp, Bên B không bàn giao Tài Sản Thuê theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Bên A sẽ tự hoặc ủy quyền cho Bên thứ ba thực hiện thu hồi Tài Sản Thuê. Bên B sẽ chịu toàn bộ chi phí phát sinh đối với việc thu hồi Tài Sản Thuê, bao gồm nhưng không giới hạn ở chi phí vận chuyển, thuê kho bãi,...;

ii) Chủ động xác định phương thức xử lý Tài Sản Thuê mà không cần có sự đồng ý của Bên B. Số tiền sau khi bán thanh lý hoặc cho thuê lại Tài Sản Thuê, nếu không đủ bù

đắp số tiền còn phải trả theo Hợp Đồng này (gồm tiền thuê và các chi phí khác) thì Bên B phải thanh toán ngay phần thiếu hụt, nếu vượt quá thì Bên A sẽ được phép sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau (i) thanh toán các nghĩa vụ nợ quá hạn phát sinh từ bất kỳ hợp đồng/ thỏa thuận nào ký giữa Bên B và Bên A, (ii) trả lại Bên B số tiền thừa;

iii) Áp dụng các biện pháp cần thiết khác để thu hồi nợ.

14.3.1.2 Bên B phải trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn theo thông báo bằng văn bản của Bên A về việc chấm dứt cho thuê tài chính, thu hồi nợ trước hạn. Trường hợp Bên B không trả đầy đủ, đúng hạn nợ gốc bị thu hồi trước hạn thì Bên B đồng ý việc Bên A chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Bên B không trả được nợ trước hạn và áp dụng lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn quy định tại Điều 3 Hợp đồng này.

14.3.1.3 Khi chấm dứt việc cho thuê, thu hồi nợ trước hạn, Bên A thông báo bằng văn bản cho Bên B về việc chấm dứt cho thuê, thu hồi nợ trước hạn, trong đó có các nội dung: thời điểm chấm dứt cho thuê, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

14.3.2 Yêu cầu Bên B ngay lập tức trả nợ gốc còn lại, lãi, phí và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) theo Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng.

14.3.3 Yêu cầu Bên B bổ sung tài sản bảo đảm, biện pháp bảo đảm của Bên B và/hoặc bên thứ ba để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Bên B theo Hợp Đồng này và văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng.

14.3.4 Xử lý bất kỳ tài sản bảo đảm nào hoặc xử lý tất cả các tài sản bảo đảm theo quy định của Hợp đồng Bảo đảm có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật; Yêu cầu bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo (các) hợp đồng bảo lãnh hoặc văn bản bảo lãnh có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.

14.3.5 Khởi kiện hoặc thực hiện thủ tục tố tụng hoặc thủ tục phá sản đối với Bên B phù hợp với quy định của pháp luật.

14.3.6 Thực hiện một, một số hoặc tất cả các biện pháp quy định tại Hợp đồng này và các văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng.

14.3.7 Thực hiện các biện pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 15. Luật điều chỉnh và giải quyết tranh chấp

15.1 Luật điều chỉnh:

Hợp Đồng này được điều chỉnh, giải thích theo pháp luật Việt Nam.

15.2 Giải quyết tranh chấp:

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa Bên A và Bên B. Trường hợp không thương lượng được, Bên A và Bên B đồng ý giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền của Việt Nam nơi Công ty Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - *Trụ sở chính* có trụ sở tại thời điểm nộp đơn khởi kiện.

15.3 Phạt vi phạm

15.3.1 Bên A và Bên B đồng ý trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này, bất kỳ bên nào vi phạm Hợp Đồng này đều phải chịu phạt vi phạm theo mức vi phạm nêu tại Điểm 15.3.2, trừ những vi phạm Bên B không trả nợ gốc và/hoặc lãi cho thuê tài chính đúng hạn và phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn, lãi chậm trả quy định tại Điều 5 Hợp Đồng này.

15.3.2 Mức phạt vi phạm Hợp Đồng này là 8% giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng này bị vi phạm.

15.4 Bồi thường thiệt hại

15.4.1 Bồi thường thiệt hại cho Bên A: Bên B phải bồi thường các thiệt hại và tổn thất thực tế phát sinh (nếu có) cho Bên A khi có một trong các trường hợp sau:

15.4.1.1 Bên B không nhận số tiền giải ngân sau khi đã thực hiện thủ tục đề nghị Bên A giải ngân theo quy định tại Hợp đồng này.

15.4.1.2 Bên A phải thực hiện các thủ tục, biện pháp để xác định sự kiện xảy ra là Sự Kiện Vi phạm theo quy định tại Hợp đồng này.

15.4.1.3 Bên B cung cấp các thông tin, tài liệu không chính xác, không trung thực gây thiệt hại và tổn thất cho Bên A.

15.4.1.4 Xảy ra Sự Kiện Vi phạm theo quy định tại Khoản 14.1 Điều 14, trừ Sự Kiện Vi phạm quy định tại Điểm 14.1.1.

15.4.2 Bồi thường thiệt hại cho Bên B: Bên A phải bồi thường các thiệt hại và tổn thất thực tế phát sinh (nếu có) cho Bên B trong trường hợp Bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ của mình quy định tại Hợp đồng này và có lỗi dẫn đến gây thiệt hại và tổn thất cho Bên B.

Điều 16. Các thỏa thuận khác

16.1 Thông báo:

16.1.1 Tất cả các thông báo, thông tin khác được trao đổi giữa Bên A và Bên B theo Hợp Đồng này phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt (trừ thông báo nhắc nợ, thông báo chuyển nợ quá hạn) hoặc kèm theo bản dịch tiếng Việt (có công chứng/chứng thực nếu Bên A yêu cầu) và được gửi: (i) bằng đường bưu điện, hoặc (ii) trực tiếp, hoặc (iii) bằng fax [nếu gửi bằng fax thì bản gốc phải được gửi trong vòng hai (02) Ngày làm việc, kể từ ngày gửi bằng fax] đến (các) địa chỉ quy định tại phần giới thiệu các bên tham gia Hợp Đồng này hoặc theo địa chỉ khác do các bên thông báo cho nhau bằng văn bản.

16.1.2 Mọi thông báo và thông tin theo Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực: (i) vào Ngày làm việc tiếp theo của ngày có dấu bưu điện nơi gửi, nếu gửi bằng đường bưu điện, hoặc (ii) ngay khi người nhận nhận được, nếu gửi trực tiếp, hoặc (iii) ngay khi máy fax có tín hiệu xác nhận việc truyền dữ liệu thành công, nếu gửi bằng fax theo số fax được quy định tại Hợp Đồng này.

16.2 Bảo mật thông tin:

16.2.1 Bên A phải bảo mật bất kỳ thông tin nào nhận được từ Bên B liên quan đến Hợp Đồng này, trừ các trường hợp Bên A được cung cấp thông tin sau:

a) Thông tin đã được công bố công khai mà không phải là hậu quả của việc Bên A vi phạm nghĩa vụ bảo mật thông tin quy định tại Hợp Đồng này.

b) Cung cấp thông tin cho chi nhánh, văn phòng đại diện, công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác cùng hệ thống với Bên A.

c) Cung cấp thông tin liên quan đến thủ tục tố tụng hoặc thủ tục pháp lý.

d) Cung cấp thông tin khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật; cung cấp thông tin cho cơ quan Nhà nước Việt Nam, cơ quan quản lý thuế có thẩm quyền hoặc các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

e) Cung cấp thông tin cho bất kỳ chủ thể nào liên quan đến các giao dịch đầu tư chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn vào Bên A, công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác cùng hệ thống với Bên A. Trong trường hợp này, các chủ thể được Bên A cung cấp thông tin phải bảo mật thông tin theo quy định tại Điều này.

f) Cung cấp thông tin cho các chuyên gia tư vấn, cố đồng của Bên A.

g) Cung cấp thông tin cho cơ quan kiểm toán thực hiện kiểm toán Bên A.

h) Cung cấp thông tin cho bất kỳ chủ thể nào ký kết hoặc đã ký kết với Bên A hợp đồng chuyên nhượng, góp vốn hoặc thỏa thuận khác liên quan

đến bất kỳ Khoản nợ nào theo Hợp Đồng này. Các chủ thể được Bên A cung cấp thông tin phải bảo mật thông tin theo quy định tại Điều này.

16.2.2 Các quy định tại Điều này thay thế bất kỳ thỏa thuận bảo mật thông tin nào trước đây giữa Bên A và Bên B (nếu có).

16.3 Chuyển nhượng:

16.3.1 Trong trường hợp Bên A thế chấp một phần hoặc toàn bộ quyền của Bên A phát sinh theo Hợp Đồng này cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Bên B đồng ý việc Bên A chỉ được bán, chuyển nhượng, thế chấp, cầm cố hoặc định đoạt quyền tài sản phát sinh từ Hợp Đồng này cho cá nhân, tổ chức khác khi có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Bên A có nghĩa vụ thông báo cho Bên B biết về việc này.

16.3.2 Bên B không được chuyển giao, chuyển nhượng, thế chấp một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của Bên B phát sinh theo Hợp Đồng này cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp được Bên A đồng ý trước bằng văn bản.

16.4 Bằng chứng về nghĩa vụ nợ:

Bên A duy trì hệ thống sổ sách và/hoặc máy tính phù hợp với hoạt động của Bên A để hạch toán Khoản nợ tại từng thời điểm phù hợp với quy định tại Hợp Đồng này và quy định của Bên A. Bên B đồng ý nội dung của các bút toán trong sổ sách, chương trình hạch toán của Bên A thể hiện các nghĩa vụ của Bên B đối với Bên A, trừ trường hợp Bên B chứng minh được các bút toán đó bị sai.

16.5 Không từ bỏ quyền:

Việc Bên A không thực hiện hoặc chậm thực hiện bất kỳ quyền nào theo Hợp Đồng này hoặc văn bản có liên quan

trong Văn bản Tín dụng không được coi là từ bỏ các quyền đó. Việc thực hiện đơn lẻ hoặc một phần bất kỳ quyền nào theo Hợp Đồng này hoặc văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng không cản trở việc thực hiện các quyền khác theo Hợp Đồng này hoặc văn bản có liên quan trong Văn bản Tín dụng.

16.6 Toàn bộ thỏa thuận:

Hợp Đồng này, các văn bản khác trong Văn bản Tín dụng và các tài liệu kèm theo (nếu có) là một thể thống nhất, xác lập toàn bộ thỏa thuận giữa Bên A với Bên B.

16.7 Sửa đổi:

Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng đều phải được lập thành văn bản và phải được đại diện hợp pháp của các bên ký, đóng dấu (nếu có con dấu).

16.8 Hiệu lực từng phần:

16.8.1 Toàn bộ hoặc một phần bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng này có hiệu lực riêng biệt và độc lập với nhau.

16.8.2 Nếu có bất kỳ điều khoản nào trong Hợp Đồng này vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thi hành theo quy định của pháp luật thì hiệu lực, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các điều khoản còn lại trong Hợp Đồng này không bị ảnh hưởng dưới bất kỳ hình thức nào.

16.9 Ngôn ngữ:

Hợp Đồng này được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp Hợp đồng lập bằng 02 ngôn ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh, nếu có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh thì bản tiếng Việt được áp dụng.

16.10 Hiệu lực:

Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên B đã thực hiện xong tất cả nghĩa vụ của mình đối với Bên A theo Hợp Đồng này, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Hợp Đồng này được lập thành 04 bản gốc có giá trị pháp lý ngang nhau. Bên A giữ 02 bản và Bên B giữ 02 bản.

ĐỀ GHI NHẬN CÁC THỎA THUẬN TRONG HỢP ĐỒNG NÀY, đại diện hợp pháp của Bên B và Bên A cùng ký Hợp Đồng này làm căn cứ thực hiện.

BÊN A

BÊN B

Tôi/ Chúng tôi xác nhận đã nhận được đầy đủ thông tin về lãi suất cho thuê tài chính; lãi suất áp dụng đối với Dư nợ gốc bị Quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản thuê tài chính; và các thông tin khác có liên quan đến toàn bộ nội dung Hợp đồng này.

Trưởng phòng Khách hàng

Cán bộ Khách hàng